

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THIỆU HÓA
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HS-ST

Ngày: 15 - 8 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Quốc Huy, - Nghề nghiệp: Phó phòng giáo dục huyện Thiệu Hóa;

2. Bà Trịnh Thị Hạnh, - Nghề nghiệp: Chủ tịch Hội phụ nữ xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 21/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Đỗ Văn C, sinh ngày: 14/9/2006; Tại: Xã Th Ch, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn D Q, xã Th Ch, Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: học sinh; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn H, sinh năm : 1974; con bà Lê Thị Th1, sinh năm 1976; Vợ: chưa; Con: chưa.

Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông Đỗ Văn H, sinh năm : 1974 và bà Lê Thị Th1, sinh năm 1975; (ông H ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Th1). (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn D Q, xã Th Ch, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Người bào chữa cho bị cáo C: Bà Hoàng Thị Thủy – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. (có mặt)

- Người bị hại: Bà Đỗ Thị Th2, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Thôn D Q, xã Th Ch, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Đỗ Thế A Nh, sinh ngày: 19/5/2007

Địa chỉ: Thôn D Q, xã Th Ch, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện hợp pháp của cháu Đỗ Thế A Nh là bà Nguyễn Thị Th3, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn D Q, xã Th Ch, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Những người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Phố Neo, xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

Tại phiên tòa vắng mặt bà Th2, cháu Nh, bà Th3 và bà H1. Bà Th2 có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 10/4/2023, Đỗ Văn C sinh ngày 14/09/2006 ở thôn D Q, xã Th Ch, huyện Thiệu Hoá, Thanh Hoá phát hiện bà Đỗ Thị Th2 sinh năm 1973 ở cùng thôn không có nhà nên nảy sinh ý định đột nhập để trộm cắp tài sản. C đi bộ một mình từ nhà đến nhà bà Th2, quan sát xung quanh không có ai nên C trèo tường vào bên trong. Khi vào nhìn thấy cửa nhà không khoá nên C mở cửa đi vào trong nhà. C đi vào buồng kiểm tra các túi quần áo nhưng không thấy tài sản gì giá trị, C tiếp tục đi ra phòng khách, đi đến giường ngủ và tủ quần áo, mở tủ kiểm tra C thấy có quần áo. Đồ dùng và một túi xách cá nhân màu trắng sữa đang treo cùng với móc quần áo. C lấy túi xách xuống kiểm tra thấy có một hộp màu hồng hình tròn, mở ra kiểm tra thì C thấy có một sợi dây chuyền màu vàng, C bỏ sợi dây chuyền vào hộp rồi nhét vào túi quần của mình, treo túi xách lại vị trí cũ rồi ra khỏi nhà bà Th2. Sau đó C về nhà lấy xe đi học. Trên đường đi học C mang sợi dây chuyền vừa trộm cắp được đến cửa hàng vàng bạc Nam Hương ở phố Neo, xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân để bán. Tại đây C gặp chị chủ cửa hàng vàng là Nguyễn Thị H1, sinh năm 1980, trao đổi với chị Hương là C muốn bán sợi dây chuyền vàng, sau khi kiểm tra dây chuyền chị H1 có hỏi C vàng ở đâu mà lại đi bán thì C trả lời: Mẹ cháu đưa vàng cho cháu đi bán để đóng tiền học, còn thừa bao nhiêu thì đem về cho mẹ. Sau khi cân vàng xong chị Hương báo mua sợi dây chuyền với giá 10.700.000đ. C đồng ý bán với giá nói trên thì chị Hương lấy tiền đưa cho C, nhưng không đủ tiền mặt nên chị Hương có hỏi số tài khoản của C để chuyển khoản, do không có số tài khoản nên C nói với chị Hương có mấy tiền cứ đưa trước cho C, còn bao nhiêu chiều C về lấy nốt, chị Hương đưa cho C số tiền mặt là 6.000.000đ và viết giấy hẹn còn 4.700.000đ đến chiều lấy nốt. Khi viết giấy chị Hương hỏi C tên gì thì C nói tên là Huy. Cầm

tiền và giấy hẹn xong C đến lớp học bình thường, đến khoảng 16 giờ sau khi tan học C qua cửa hàng vàng để lấy nốt số tiền còn lại rồi đi về nhà, sau đó đến nhà bạn là Đỗ Thế A Nh sinh năm 2007 ở cùng thôn để chơi. C nói với Nhật là mình mới ôm lô (Chơi lô, đề) được hơn 10.000.000đ, đã sửa xe hết hơn 4.000.000đ và cho Nhật 100.000đ (Một trăm nghìn đồng). Sau đó C và Nhật đi chơi đến 20 giờ 30 phút thì về nhà. Sau khi về nhà hai người có nhắn tin trao đổi với nhau, Nhật hỏi C về việc trong xóm có nhà bị mất vàng à, C trả lời nhà bà Th2 mất 02 chỉ vàng. Khoảng 6 giờ 30 phút ngày hôm sau 11/4/2023, C rủ Nhật đi sửa xe, trên đường đi C có hỏi Nhật về việc trộm tiền có bị đi tù không, sau đó C nhờ Nhật cầm hộ mình hơn 6.000.000đ, chính xác là bao nhiêu thì C và Nhật đều không rõ vì cả hai không đếm. Đến 11 giờ cùng ngày C đến nhà Nhật lấy số tiền mà C gửi Nhật rồi rủ C đi cùng mình, trên đường đi C nói với Nhật mình là người lấy trộm vàng nhà bà Th2 và bây giờ đi mua vàng để trả lại cho bà Th2. C và Nhật đi đến tiệm vàng Nam Hương, C vào hỏi mua lại sợi dây chuyền hôm qua đã bán nhưng chị Hương chủ tiệm vàng nói sợi dây chuyền C bán đã được chế tác nên không còn. Sau khi nghe chị Hương nói vậy thì C mua của tiệm vàng này một sợi dây chuyền khác với giá: 5.740.000đ với mục đích trả lại cho bà Th2. Sau khi mua vàng C và Nhật ra về, trên đường về Nhật khuyên C ra đầu thú nhưng C nói thôi kệ để tìm cách ném trả lại vàng cho bà Th2, sau khi về nhà C đã một mình sang cổng ném sợi dây chuyền vàng mới mua (Đựng trong một hộp nhựa hình tròn màu hồng đỏ) vào sân nhà bà Th2. Sau đó nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên Đỗ Văn C đã đến đầu thú tại Công an xã Th Ch, huyện Thiệu Hóa. (BL 52-63; 76-78; 79-90).

Ngày 28/4/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thiệu Hóa định giá kết luận: Tổng giá trị 2 chỉ vàng 9999 là 10.980.000đ. BL(109-114).

Về phần dân sự: Ngày 16/4/2023 Đỗ Văn C và bà Lê Thị Thủy sinh năm 1976 là mẹ đẻ của C giao nộp cho cơ quan điều tra 01 dây chuyền vàng có kí hiệu SH đựng trong một hộp hình tròn có ghi dòng chữ Hiệu vàng Kim Gia Huy để khắc phục hậu quả cho bà Th2. Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả lại cho bà Th2 sợi dây chuyền này. Sau khi nhận lại được số vàng mà C và gia đình bồi thường thì bà Đỗ Thị Th2 đã không có yêu cầu dân sự gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 28/CT-VKS - TH ngày 28/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Đỗ Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng: khoản 1 điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 91; Điều 100; điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015; Đề nghị xử phạt Đỗ Văn C từ 9 đến 12

tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng; đề nghị tuyên trả lại số tiền 410.000đ và 01 sợi dây chuyền vàng có trọng lượng 01 gam trong phong bì niêm phong cho người đại diện hợp pháp của bị cáo.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Người đại diện hợp pháp của bị cáo phải nộp thay cho các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố, không tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác; Khi nói lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho các bị cáo và Người đại diện hợp pháp của bị cáo đều đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Tòa án xem xét đến nhân thân và độ tuổi của bị cáo, bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, suy nghĩ còn bông bột, nhất thời phạm tội. Vì vậy người bào chữa của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, vừa đảm bảo tính răn đe và nghiêm minh của pháp luật vừa đảm bảo chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự Việt Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi, chứng cứ xác định tội phạm: Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án ; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào sáng ngày 10/4/2023, tại nhà bà Đỗ Thị Th2, sinh năm 1973 ở Thôn D Q, xã Th Ch, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Đỗ Văn C đã lợi dụng việc bà Th2 không có nhà, trèo tường để vào nhà bà Th2 trộm cắp sợi dây chuyền 2 chỉ vàng 9999, trị giá 10.980.000đ (Mười triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng). Như vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, xâm hại đến trật tự quản lý xã hội, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong một bộ phận quần chúng nhân dân. Hành vi đó phải được xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe phòng ngừa chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo tác động gia đình bồi thường cho bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã ra Cơ quan Công an đầu thú, quá trình điều tra và trong đơn xin xét xử vắng mặt người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội khi chưa thành niên, suy nghĩ bồng bột, do ham chơi đã dẫn đến con đường phạm tội, nên được áp dụng có quy định đối với người chưa thành niên phạm tội tại điều 91 Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội khi tuổi đời còn chưa đủ 18 tuổi, lần đầu phạm tội nên căn cứ điều 36; điều 100 Bộ luật hình sự năm 2015 áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người dưới 18 tuổi nên theo quy định tại điều 91 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Bị cáo là người dưới 18 tuổi nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Đỗ Văn C đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại, bị hại không có yêu cầu về dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 410.000đ (Bốn trăm mười nghìn đồng) trong đó bị cáo C cho Nguyễn A Nh 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) còn 310.000đ (Ba trăm mười nghìn đồng) là C đưa Nguyễn A Nh giữ hộ, Nguyễn A Nh khi được C cho tiền không biết tiền do C phạm tội mà có, khi đi mua vàng cùng C, Nhật mới biết C trộm cắp vàng của bà Th2, Nhật cũng đã khuyên C ra công an đầu thú, sau đó Nhật đã giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền C cho và gửi, Nhật không nhận số tiền C cho, tại phiên tòa bị cáo C và người đại diện hợp pháp của bị cáo xin được nhận lại số tiền 410.000đ (Bốn trăm mười nghìn đồng).

Đối với 01 sợi dây chuyền vàng có trọng lượng 01gam đựng trong một hộp hình tròn màu hồng đỏ có ghi dòng chữ hiệu vàng Kim Gia Huy được niêm phong trong một phong bì màu trắng, do Công an huyện Thiệu Hóa phát hành và niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của các ông, bà Nguyễn Văn Trường, Nguyễn Việt Tùng, Hoàng Thị Ghi, Nguyễn Thị Loan, Lê Hồng Quân và 05 (Năm) hình dấu tròn đỏ của Công an thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa. Đây vàng bị cáo C mua để trả lại cho bà Th2, bị cáo đã dùng số tiền bán vàng trộm

cấp còn lại để mua. Tuy nhiên quá trình điều tra bị cáo tác động gia đình bồi thường cho bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo là bà Lê Thị Thủy đã mua sợi dây chuyền vàng 02 chỉ trả lại cho người bị hại, người bị hại đã được bồi thường đầy đủ. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị cáo và bị cáo đều thừa nhận bà Lê Thị Thủy đã mua vàng để bồi thường cho bị hại và bà Lê Thị Thủy đề nghị được nhận lại 01 sợi dây chuyền vàng có trọng lượng 01gam đang quy trữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa. Hội đồng xét xử xét thấy cần trả lại số tiền và sợi dây chuyền vàng có trọng lượng 01 gam cho người đại diện hợp pháp của bị cáo là bà Lê Thị Thủy như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[8]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Người đại diện hợp pháp của bị cáo phải nộp thay cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 100; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn C phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Đỗ Văn C 9 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo được tính từ ngày UBND xã Th Ch, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa nhận được bản sao bản án và Quyết định thi hành án của Tòa án.

Giao bị cáo Đỗ Văn C cho UBND xã Th Ch, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm phối hợp giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho người đại diện hợp pháp của bị cáo Đỗ Văn C là bà Lê Thị Thủy số tiền 410.000đ (Bốn trăm mười nghìn đồng) số tiền hiện đang quy trữ tại kho bạc Nhà nước huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa trong tài khoản tạm gửi số 3949.0.1054981 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa.

Trả lại cho bà Lê Thị Thủy người đại diện hợp pháp của bị cáo C 01 sợi dây chuyền vàng có trọng lượng 01gam đựng trong một hộp hình tròn màu hồng đỏ có ghi dòng chữ hiệu vàng Kim Gia Huy được niêm phong trong một phong bì màu trắng, do Công an huyện Thiệu Hóa phát hành và niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của các ông, bà Nguyễn Văn Trường, Nguyễn Việt Tùng, Hoàng Thị Ghi, Nguyễn Thị Loan, Lê Hồng Quân và 05 (Năm) hình dấu tròn đỏ của Công an thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa.

(Đặc điểm các vật chứng này theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thiệu Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa ngày 28/6/2023).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 6, Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Đỗ Văn C phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đỗ Văn C phải nộp thay cho bị cáo C.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Chi cục THADS huyện Thiệu Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Thị Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

